

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NÓI TRONG GIỜ HỌC NGỮ VĂN CỦA HỌC SINH XÉT TUYỂN THĂNG VÀO HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

Nguyễn Thanh Nhã Trúc - Nguyễn Hoàng Long
Trần Hoàng Quế Anh
Đại học Cần Thơ
Email: nhatruc@ctu.edu.vn.

Tóm tắt: Muốn cho người nghe hiểu cho được thì người nói phải nói cho tốt, có nghĩa là nói phải mạch lạc, logic, phải bảo đảm các quy tắc hội thoại, phải chú ý đến các cử chỉ, nét mặt, âm lượng... Vì thế, rèn luyện và phát triển kỹ năng nói cho học sinh là việc rất quan trọng trong quá trình dạy - học văn, là biện pháp góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả của giờ dạy học Ngữ văn. Có kỹ năng nói tốt sẽ giúp người học có được một công cụ giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống xã hội.

Từ khóa: Rèn luyện, phát triển, kỹ năng nói.

Nhận bài: 17/01/2026; Biên tập: 19/01/2026; Phản biện: 26/01/2026; Duyệt đăng: 02/02/2026.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, các nước trên thế giới rất coi trọng dạy học theo quan điểm giao tiếp. Đây là một trong những tư tưởng quan trọng của chiến lược dạy học các môn ngôn ngữ ở trường phổ thông, lấy hoạt động giao tiếp là một trong những căn cứ để hình thành và phát triển các hoạt động ngôn ngữ mà cụ thể là năng lực nghe, nói, đọc, viết. Nếu như nghe, đọc là hai kỹ năng quan trọng của hoạt động tiếp nhận thông tin, thì nói và viết là hai kỹ năng quan trọng của hoạt động bộc lộ, truyền đạt thông tin cần được rèn luyện và phát triển trong nhà trường.

Kỹ năng nói (KNN) được đánh giá là phần quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực (NL) giao tiếp bằng một ngôn ngữ của mỗi người. Cùng với kỹ năng (KN) nghe, KNN được xác định là một trong những KN cơ bản của thế kỉ XXI.

Erik Palmer đã thống kê cách chúng ta sử dụng thời gian giao tiếp: Viết: 9%, Đọc: 16%, Nói: 30%, Nghe: 45%. Như vậy, chúng ta sử dụng 3/4 thời gian giao tiếp cho việc nghe và nói. Việc thiếu hụt KNN trong các hoạt động giao tiếp sẽ là một cản trở rất lớn đối với mỗi người trong xã hội. Nói là khả năng diễn đạt lời nói dưới dạng âm thanh, thể hiện ở việc người nói dùng khẩu ngữ để truyền đạt thông tin, biểu đạt tư tưởng, tình cảm một cách chính xác, sinh động, có sức thuyết phục. Làm chủ được KNN sẽ giúp người nói tạo ra mối quan hệ tốt đẹp trong giao tiếp, tự khẳng định mình và là công cụ tạo ảnh hưởng với người khác.

Tuy nhiên, hiện nay, một bộ phận học sinh (HS) còn yếu về kỹ năng nói. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này, trong đó có một thực tế là bản thân giảng viên (GV) chưa chú ý đến rèn kỹ năng nói cho HS. Phát triển năng lực nói cho HS xét tuyển thăng vào học bổ sung kiến thức tại Đại học Cần Thơ góp phần giúp các em HS tìm thấy phương pháp học phù hợp để nâng cao được năng lực tự học nói từ đó có hiệu quả học tập tốt hơn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan niệm về “ngôn ngữ nói”

Theo Nguyễn Quang Uẩn, “ngôn ngữ nói là ngôn ngữ hướng vào người khác là chủ yếu biểu hiện bằng âm thanh và được tiếp thu bằng cơ quan phân tích thính giác”. Ngôn ngữ nói là hình thức cổ sơ nhất của lịch sử loài người. Trong sự phát sinh cá thể, ngôn ngữ nói cũng có trước. Ngôn ngữ nói có hai loại:

Ngôn ngữ đối thoại: Là loại ngôn ngữ giữa hai hay một số người với nhau. Loại ngôn ngữ này có những đặc điểm tâm lí riêng: trong quá trình đối thoại có sự thay đổi vị trí và vai trò của mỗi bên, chính sự thay đổi này có tác dụng hỗ trợ, giúp cho hai bên dễ hiểu nhau hơn, người nói và người nghe luôn được gặp mặt trực tiếp (nếu là đối thoại trực tiếp). Ngoài tiếng nói ra còn có phương tiện hỗ trợ cho ngôn ngữ như: cử chỉ, điệu bộ, nét mặt (nếu là đối thoại gián tiếp thì không có đặc điểm này). Do đó, người nói có thể trực tiếp thấy được phản ứng của người nghe, từ đó có thể điều chỉnh lời nói của mình.

Ngôn ngữ độc thoại: là loại ngôn ngữ mà trong đó, một người nói và những người khác nghe. Đó là loại ngôn ngữ liên tục, một chiều mà không có sự hỗ trợ ngược trở lại. Người nói cần có sự chuẩn bị trước về nội dung hình thức và kết cấu của những điều định nói, đôi khi phải tìm hiểu trước về đối tượng (đối tượng người nghe). Ngôn ngữ cần trong sáng, dễ hiểu, chính xác. Ngôn ngữ nói độc thoại có thể tạo những căng thẳng nhất định cho cả người nói và người nghe, vì người nói cần chuẩn bị trước, theo dõi ngôn ngữ của chính mình và phản ứng của người nghe, còn người nghe cần tập trung chú ý trong một thời gian dài.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói

Có nhiều cách xác định các yếu tố ảnh hưởng đến KNN của một HS. Các tài liệu tâm lí giáo dục học xác định: Trong nhiều nhân tố khác nhau ảnh

hưởng đến việc học tập của HS, có ba yếu tố quan trọng nhất là động cơ học tập, thái độ học tập và chiến lược học. Theo đó, việc rèn luyện KNN của HS cũng chịu sự chi phối của ba nhân tố này. Góc độ giáo dục ngôn ngữ lại xác định các yếu tố ảnh hưởng đến KNN của một cá nhân bao gồm các yếu tố về con người, nội dung nói và các yếu tố tác động bên ngoài. Xuất phát từ mục đích dạy KNN như là dạy một kĩ năng giao tiếp, chúng tôi coi trọng các yếu tố giáo dục ngôn ngữ này.

Yếu tố con người: Yếu tố con người bao gồm các vấn đề về nhân khẩu học, phát âm, nhịp điệu, tốc độ nói, kinh nghiệm nói, sự chuẩn bị và tâm lí khi nói... Trong đó phát âm có ảnh hưởng lớn nhất đến KNN của một cá nhân. Chất giọng, độ cao thấp (lên giọng, xuống giọng), nhịp điệu, âm sắc, tính kịch liệt (trong sự hưởng ứng hay phản kháng), cách chuyển tông điệu... đều có ý nghĩa rất quan trọng. Để rèn luyện tốt KNN, HS cần nhận thức rằng không nên chỉ cố gắng học thuộc lòng toàn bộ nội dung bài viết mà hãy biết điều khiển giọng nói của mình. Trong rèn luyện KNN, GV cần hướng dẫn HS cách tự đúc rút kinh nghiệm sau mỗi lần thực hiện việc nói tự do hoặc nói theo chủ đề.

Nội dung nói: Nội dung nói là một nhân tố thiết yếu. Để có tính hấp dẫn, thu hút người nghe, đề tài nói cần đảm bảo tính thiết thực, đặc sắc, mới lạ và độc đáo. Bố cục và trình bày nội dung nói cần được sắp xếp theo một tổ chức nhất định, rõ ràng, logic, hợp lí, Khi nói, người nói cần đảm bảo tính nhất quán về nội dung được nhắc đến, cụ thể là cần có sự tương đồng giữa các nội dung cơ sở lí thuyết, thực trạng, phân tích, đánh giá...

Các yếu tố tác động bên ngoài: Các yếu tố tác động bên ngoài như người nghe, không gian, thời gian nói, các phương tiện công nghệ hỗ trợ... có những ảnh hưởng quan trọng đến việc rèn luyện KNN. Trong đó, người nghe là tác nhân có ảnh hưởng lớn nhất. Sử dụng công nghệ thông tin vào việc minh họa, hỗ trợ cho phần trình bày bằng lời cũng ảnh hưởng rõ rệt đến hiệu quả và chất lượng nói. Việc sử dụng các công cụ trình chiếu, các hình ảnh minh họa cho bài phát biểu sẽ giúp người nghe hiểu rõ hơn về nội dung đang được nói đến và người nói sẽ dễ dàng tương tác với người nghe

2.3. Ba giai đoạn rèn luyện kĩ năng nói cho HS trong môn Ngữ văn

Quy trình này có thể được áp dụng trước hết vào hoạt động nói theo chủ đề.

- **Giai đoạn 1: Chuẩn bị nói (Pre-speaking)** Đây khâu HS chuẩn bị các điều kiện trước khi nói, ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành công của quá trình nói. Chuẩn bị cho việc nói bao gồm:

+ **Chuẩn bị nội dung:** Để nội dung nói mang tính thuyết phục và tạo cảm hứng cho người nghe, người nói phải chuẩn bị đủ thông tin về chủ đề, nắm vững và hiểu chính xác các thông tin. Nếu HS biết

trước đề tài, chủ đề nói, các em có thể thêm vào chủ đề những thông tin bổ sung, thông tin mới, những ý tưởng, câu chuyện dí dỏm có ý nghĩa để chứng minh rõ thêm, làm phong phú thêm cho vấn đề cần phải trình bày. Người nói cần có sự chuẩn bị về bố cục của phần nội dung sẽ trình bày: Phần mở, phần thân và kết luận.

+ **Tập luyện nói** là một việc quan trọng và cần thiết, nhưng HS thường bỏ qua công việc này. KNN phải luôn được đặt trong hoạt động giao tiếp và việc luyện nói một cách nghiêm túc và thường xuyên là yếu tố then chốt giúp nâng cao KNN của mỗi người. Trong quá trình luyện nói, người nói có thể ghi chú, ước tính thời gian và chỉnh sửa những chỗ cần thiết về nội dung và cách thể hiện. Ngoài ra, việc tập luyện sẽ giúp người nói nhận ra được những khó khăn và hạn chế của mình trong lúc phát biểu. Theo đó, cách tốt nhất là mỗi HS nên ghi hình lại quá trình luyện nói của mình, tự xem lại để rút kinh nghiệm và nhờ người khác góp ý.

+ **Chuẩn bị tâm lí** trước khi nói trước nhiều người: Dù là người lần đầu tiên nói trước đông người hay đã phát biểu nhiều lần, HS đều không tránh khỏi áp lực tâm lí khi đứng trước đám đông. Trong cuộc nói chuyện, người nói luôn muốn những khán giả, thính giả của mình có thể tiếp thu một cách có hứng thú với nội dung mà mình truyền đạt. Dù đối tượng nghe là ai cũng đều tạo sức ép đối với người trình bày. Chính vì thế, chuẩn bị về tâm lí là điều quan trọng để có được một phần trình bày tốt trước mọi người. Giai đoạn chuẩn bị nói cần đến sự tự giác và ý thức chủ động của HS. GV có vai trò là người định hướng và nhắc nhở HS tự điều chỉnh. Hầu hết HS đều chuẩn bị nói ngoài giờ học trên lớp. Tuy nhiên, nếu có điều kiện, GV cũng cần thị phạm sự chuẩn bị của mình trong những hoạt động nói nào đó (ở đó có sự chứng kiến của HS). Từ đó, HS sẽ được khuyến khích việc chuẩn bị chu đáo các phần nói của mình.

- **Giai đoạn 2: Luyện nói có kiểm soát (Controlled practice)** Đây là giai đoạn chính của việc rèn luyện KNN. HS cần được luyện tập cả việc nói theo chủ đề và nói tự do.

Trên lớp, trong các giờ luyện nói (thuộc các bài học Làm văn trong chương trình Ngữ văn), thông thường Hình thức rèn luyện KNN chủ yếu là hoạt động theo cặp, nhóm theo sự tổ chức, hướng dẫn của GV. Việc kiểm soát quá trình rèn luyện là để thúc đẩy sự tiến bộ chứ không nhằm mục đích đánh giá.

- **Giai đoạn 3: Luyện nói tự do (Free practice)** Đây là một bước rèn luyện KN cũng là giai đoạn sản sinh lời nói (Production). Trong rèn luyện KNN, giai đoạn này có người trực tiếp, người nói tham gia vào các tình huống giao tiếp phong phú của đời sống để rèn luyện KNN của mình. Do vậy, GV cần mở rộng các loại hình hoạt động để thúc đẩy việc

nói của HS, hoàn thiện KNN cho HS, giúp HS vận dụng vốn kiến thức cá nhân và các phương pháp đã rèn luyện vào hoạt động giao tiếp hàng ngày, trước hết là giao tiếp trong giờ học, lớp học. GV cần là người hướng dẫn, tổ chức các hoạt động để HS tự luyện nói.

2.3. Phương pháp thực hiện

2.3.1. Nhóm giải pháp cho giai đoạn chuẩn bị nói

Sau khi đã chọn được chủ đề, GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác sau:

a) Tập hợp các thông tin về chủ đề: Thông tin có thể do người nói trực tiếp quan sát thực tế, chứng kiến sự việc, ghi chép, lưu giữ. Thông tin có thể tìm trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài, báo, internet. Khi tổng hợp thông tin cần chú ý lựa chọn những thông tin hướng tới làm rõ chủ đề nói. Ví dụ muốn Luyện tập phỏng vấn và trả lời phỏng vấn, sau khi chọn được chủ đề, ở đây là chọn nhân vật được phỏng vấn, vùng quê/quốc gia của nhân vật, HS cần tập hợp các thông tin về chủ đề: thông tin về vùng quê/ quốc gia của bạn, các vấn đề mà em quan tâm khi trò chuyện với bạn... Trong một số trường hợp, vấn đề cần số liệu, thông tin xác thực, HS có thể thực hiện các cuộc khảo sát, phỏng vấn với những nhân vật, nhân chứng để tìm câu trả lời cho những câu hỏi mình đặt ra.

b) Xác định người nghe là ai Việc xác định này nhằm mục đích trả lời câu hỏi: Người nghe đã biết gì về vấn đề mà mình sẽ trình bày. Mình muốn họ biết điều gì? Những thông tin nền mà mình phải cung cấp. Ví dụ: Khi cần nói về vấn đề Ô nhiễm không khí ở Việt Nam, HS cần tìm hiểu xem người nghe đã hiểu gì về ô nhiễm không khí: ô nhiễm không khí thực chất là gì; các khí thải độc hại với công thức hóa học CO₂, SO₂, C₆H₆, CO, NO₂ thực chất là gì; chúng có thể gây ra những tác hại gì... Trên cơ sở những gì người nghe chưa biết, muốn biết, người nói sẽ triển khai được các nội dung phù hợp, thiết thực và hấp dẫn người nghe.

c) Kiểm soát, đánh giá thông tin

Cần phải chắc chắn rằng các thông tin phải chính xác. Muốn như vậy phải tập hợp thông tin từ những tài liệu đáng tin cậy và đã được kiểm soát (như trong các văn bản cho phép phát hành, trong các luận văn, luận án đã được bảo vệ trước hội đồng đánh giá; các nguồn tin từ các tổ chức pháp nhân và các cá nhân đủ tư cách cung cấp hoặc phát ngôn. Nếu số liệu tự mình thu thập, đo đạc thì các công cụ phải đáng tin cậy và phải trích nguồn rõ ràng. Có thể sử dụng cả những nguồn thông tin hỗ trợ.

d) Sắp xếp thông tin

Khi làm việc này cần trả lời câu hỏi: đâu là thứ tự tốt nhất để trình bày thông tin của mình? Có thể kết hợp những yếu tố truyền thông ở đâu?

e) Quyết định về phương tiện truyền thông sẽ sử dụng (nếu có).

Ở thao tác này HS cần trả lời câu hỏi: Bạn quyết

định phương tiện truyền thông nào sẽ được sử dụng trong bài thuyết trình? Clip, phần mềm, các dạng phương tiện nào có thể sử dụng và giúp bạn đạt được hiệu quả tốt nhất khi thể hiện luận điểm của mình.

Ở đây, có thể đưa ra một số gợi ý để HS tham khảo. Ví dụ: Băng đĩa thì cho phép thuyết trình những hiệu ứng âm thanh như âm nhạc, lời nói, giọng nói; Sơ đồ, tranh ảnh, slide,... cho phép bạn thuyết trình hình ảnh một cách rất đa dạng mà không cần sử dụng đến máy tính; băng hình video cho phép bạn thuyết trình được cả âm thanh và hình ảnh cùng lúc hay những phần mềm thuyết trình trên máy tính cho phép bạn kết hợp âm thanh, hình ảnh để tạo ra sơ đồ đẹp - vẽ tranh. Bạn cũng có thể tạo ra một liveshow, trình chiếu slide từ một máy tính.

VD: Dạy Đọc hiểu văn bản Vội vàng (Xuân Diệu), GV có thể đặt ra câu hỏi cho HS phản biện vấn đề: Quan niệm sống của Xuân Diệu trong “Vội vàng” là hãy sống giục giã gấp gáp... nhưng hiện nay, có trào lưu khuyến mọi người nên “Sống chậm lại, nghỉ ngơi đi, yêu thương nhiều hơn”. Em nghĩ gì về hai quan niệm này? Định hướng giải quyết tình huống của GV: Cả hai cách hiểu đều có cái hay riêng, đều có tính hợp lý. Hai quan niệm nhìn bề ngoài có vẻ mâu thuẫn, ngược chiều với nhau nhưng về bản chất cốt lõi là giống nhau. Tất cả đều hướng con người đến lối sống tích cực, cân bằng và yêu đời hơn. Sở dĩ có sự khác nhau là ở thời điểm xuất phát. Quan niệm của Xuân Diệu được nêu lên vào đầu thế kỷ XX, khi mà cả hàng mấy thế kỷ tồn tại quan niệm sống: ung dung, tự tại và vô vi. Hơn nữa, lúc bấy giờ tuổi trẻ gần như rơi vào sự khủng hoảng lí tưởng, mất phương hướng... người thì rơi vào nỗi sầu vạn kỷ, người thoát lên tiên, kẻ chạy trốn vào thế ma quái, điên loạn thì quan niệm sống của Xuân Diệu như thế là rất tích cực. Còn ở quan niệm thứ hai lại xuất hiện ở thời đương đại khi mà nhịp sống quá nhộn nhịp, con người dễ bị cuốn vào những áp lực của nhu cầu vật chất của cuộc sống. Vì thế, con người dường để vụt mất những giá trị sống đích thực. Do đó với quan niệm này, cũng hướng chúng ta đến một lối sống lành mạnh, tích cực và cân bằng hơn.

Hoặc GV cũng có thể đặt ra câu hỏi: Nhận định về khao khát tận hưởng sự sống trong bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu, từng có ý kiến cho rằng: đó là tiếng nói của cái tôi vị kỷ, tiêu cực. Lại có ý kiến khẳng định: đó là tiếng nói của cái tôi cá nhân tích cực. Em nghĩ như thế nào về các quan niệm trên?

Định hướng giải quyết tình huống của GV: Bác bỏ ý kiến cho rằng đó là tiếng nói của cái tôi vị kỉ tiêu cực: Ý kiến xuất phát từ quan điểm cũ, quá coi trọng cái ta mà coi nhẹ cái tôi, xem mọi tiếng nói của cái tôi đều là tiêu cực, đồng nhất sự hưởng thụ chính đáng của con người với lối sống cá nhân chủ nghĩa; thể hiện định kiến hẹp hòi đối với ý thức trân quý bản thân của con người, đồng nhất việc tận hưởng

sự sống lành mạnh, tích cực với lối sống gấp của chủ nghĩa hưởng lạc. Kháng định sự đứng đắn của ý kiến: đó là tiếng nói của cái tôi cá nhân tích cực: Ý kiến xuất phát từ quan điểm đứng đắn coi trọng quyền sống chính đáng của con người cá nhân, vì thế đã nhận ra tính nhân bản trong niềm khát khao tận hưởng sự sống của cái tôi ở bài thơ Vội vàng, xem đó là biểu hiện mãnh liệt của cái tôi cá nhân tích cực; ở thời đại Thơ mới, khát khao tận hưởng sự sống của cái tôi ấy đã có ảnh hưởng tích cực sâu sắc đến ý thức cá nhân, lòng yêu đời, yêu cuộc sống của con người, đặc biệt là tầng lớp thanh niên.

2.3.2. Nhóm giải pháp luyện nói

Đây là giai đoạn tổ chức cho HS trình bày, giới thiệu, thuyết trình và lắng nghe theo dõi nội dung đã chuẩn bị. Đây là hoạt động chính; càng nhiều lượt HS được trình bày càng tốt giúp HS rèn kĩ năng trình bày một vấn đề cũng như rèn kĩ năng sử dụng hiệu quả các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

Một số hình thức luyện nói: HS dựa vào tình huống gợi ý (qua tranh vẽ, từ ngữ cho sẵn hoặc bài hội thoại mẫu) để luyện nói theo yêu cầu: trình bày, miêu tả về một đối tượng, suy đoán về sự việc, sự kiện... Ở đây, HS cần: Tạo ra một đề cương các luận điểm. Nếu thấy cần HS có thể viết ra phần kịch bản của mình. Tạo ra một phần giới thiệu và kết thúc ấn tượng. Để làm được điều này thì GV có thể hướng dẫn HS: Hãy sử dụng một câu hỏi hay đưa ra một sự thật mang tính chất bất ngờ khiến người khác ngạc nhiên, giật gân, hoặc một trích dẫn để thu hút sự chú ý của khán giả. Hãy kết thúc bằng một thông điệp rõ ràng, ấn tượng để lưu lại những điều đáng nhớ. Tập hợp hoặc sáng tạo những phần truyền thông đa phương tiện. Sau khi đã quyết định phương tiện truyền thông nào sẽ được sử dụng HS cần thiết kế bài thuyết trình sao cho phần văn bản và các yếu tố truyền thông kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn, sáng tạo. Làm thế nào để các yếu tố truyền thông phát huy tốt nhất vai trò làm sáng tỏ phần văn bản và sáng tỏ chủ đề. Đồng thời thu hút, hấp dẫn nhất đối với khán giả. HS cần đảm bảo rằng tất cả hình ảnh và chữ viết trên phương tiện nhìn đủ rộng để người ở cuối hội trường cùng nhìn thấy. Cũng cần phải kiểm tra âm thanh để đảm bảo rằng tiếng có thể được nghe rõ. Đồng thời, HS cũng cần chú ý kiểm soát yếu tố đa phương tiện. Ở thao tác này, GV yêu cầu HS: xem xét với tư duy phản biện những yếu tố truyền thông để xem họ đã sử dụng chúng một cách đa dạng (bao gồm cả việc nói bằng lời) hiệu quả nhất hay chưa. HS cần thấy rằng: Có rất nhiều phần chi tiết thường được thuyết trình bằng sơ đồ tốt hơn bằng lời; HS cũng cần hiểu luật bản quyền khi kiểm soát các yếu tố đa phương tiện.

*HS luyện nói theo cá nhân/ cặp/ nhóm dưới sự kiểm soát của HS khác và GV để sửa lỗi phát âm, ngữ pháp, luyện ngữ âm, dùng từ ...

Tập thuyết trình Tập thuyết trình nhiều lần để cảm

thấy thoải mái khi nói từ kịch bản hoặc đề cương và thuần thục trong việc đưa ra các yếu tố đa phương thức. Khi tập dượt thuyết trình luôn lưu ý:

Sử dụng giọng nói của mình tạo hiệu ứng tốt. Hãy nói đủ lớn cho mọi người nghe cũng như tông giọng và cao độ để giữ được sự chú ý của người nghe, của khán giả, thay đổi âm lượng với những phần cụ thể.

Duy trì giao tiếp bằng mắt, sử dụng những cử chỉ và nét mặt phù hợp. Hãy giữ sự chú ý của khán giả bằng cách nhìn trực tiếp vào họ. Sử dụng dáng vẻ, biểu cảm, khuôn mặt của mình để duy trì sự hứng thú của họ.

Xen kẽ các yếu tố truyền thông vào trong bài thuyết trình một cách nhuần nhuyễn. Người thuyết trình cần đảm bảo rằng mình biết cách sử dụng những công cụ mà mình định dùng. Hãy trở nên quen thuộc với nội dung của các yếu tố nghe nhìn để có thể nói về nó một cách hiểu biết.

Khi thấy tự tin với bài thuyết trình của mình, HS có thể mời bạn bè, người thân xem trước và thuyết trình. Nếu cần thiết, hãy chỉnh sửa và thuyết trình theo những phản hồi cơ bản của họ. Hãy hỏi khán giả nghe mình luyện tập những câu hỏi sau: Bạn đã biết được gì từ bài thuyết trình của tôi? Yếu tố nào đã tác động nhiều nhất đến bạn? Thông tin nào chưa rõ ràng và gây bối rối? Cử chỉ, hành động của tôi giúp bạn chú ý hoặc làm bạn sao nhãng? Bạn muốn biết thêm điều gì?

HS nói độc lập hoặc nhóm HS nói có tương tác theo nội dung và hình thức được yêu cầu trước: Luyện nói về thông tin cá nhân, đóng vai giao tiếp, phỏng vấn, thảo luận, tranh luận...

HS luyện trình bày, GV và các HS khác theo dõi, hỗ trợ, uốn nắn, góp ý... Việc tổ chức những nhóm rèn luyện KNN để các thành viên của nhóm có điều kiện hội ý, phân tích, góp ý những điểm mạnh, yếu cho nhau qua phần trình bày trước nhóm hoặc qua các thiếu sót của từng cá nhân là một hoạt động có ý nghĩa đối với việc rèn luyện KNN của mỗi HS.

GV có thể sử dụng các thủ thuật gợi ý dẫn vấn đề thảo luận cho HS: GV có thể tạo các tình huống nhận thức hoặc thực tiễn bằng các thủ thuật sau: Tạo không gian khám phá đối tượng bí mật: Ô cửa bí mật, Bức tranh bí ẩn, Chiếc nón kì diệu,...; Tạo không gian tranh đấu: Trường teen, Phiên tòa thế kỉ, Nhanh như chớp, Ai là triệu phú...; Chuyện kể sáng tạo. Ví dụ trong bài Quyền năng của người kể chuyện: “Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau”, GV có thể gợi ý dẫn vấn đề bằng cách kể một vài dị bản của truyện “Tám Cám” có kết thúc không giống nhau (Dị bản của NXB Văn hóa - Văn nghệ, Dị bản của NXB Mỹ thuật và Dị bản trong cuốn “Truyện cổ tích Việt Nam” của NXB Văn học). Mỗi cách kết thúc truyện đều gợi cho HS những suy nghĩ khác nhau. GV có thể đưa ra yêu cầu: “Em đồng tình với kết thúc của dị bản nào? Hãy tìm các

lí lẽ để thuyết phục người nghe”; Kết hợp dạy học đa phương tiện: Giáo viên có thể vừa cho HS đọc văn bản, vừa chiếu video hoạt hình, video ca nhạc, đóng vai, ... và cho HS tự phát hiện vấn đề.

GV cần gợi vấn đề một cách tự nhiên, không áp đặt quan điểm, cần nói rộng không gian tự do của tư duy để HS tự phát hiện, giải quyết vấn đề; Vấn đề thảo luận cần mang tính nhận thức và thực tiễn cao. Trong quá trình thảo luận, sự vỡ lẽ về nhận thức cần được tiếp tục nảy sinh và GV cần chú ý tiếp tục tạo điều kiện cho HS phát triển vấn đề. Bản thân GV cần có hiểu biết nhất định về vấn đề đó và có kĩ năng ứng xử sự phạm khéo léo trong mọi tình huống, hỗ trợ HS khi cần thiết.

2.3.3. Nhóm giải pháp cho giai đoạn sau khi nói

Đây là giai đoạn HS trao đổi, nhận xét, phản hồi về nội dung và kỹ năng nói của người trình bày. Kỹ năng nghe và ghi chép và nhận xét phần trình bày của người khác.

Muốn trình bày tốt quan điểm của mình, trước hết HS phải rèn kĩ năng nghe và nhận xét phần trình bày của người khác. GV hướng dẫn HS nhận xét lẫn nhau. GV nhắc HS chú ý hai phương diện:

+ Nội dung nói: phải đáp ứng yêu cầu của câu hỏi thảo luận nhóm không thiếu, không thừa tránh dàn trải, lan man thiếu tập trung.

+ Kỹ năng nói: trình bày lưu loát, mạch lạc làm nổi rõ vấn đề bằng giọng nói tự nhiên to rõ dễ nghe dễ theo dõi, tránh đọc ê a, hoặc nói quá nhỏ...

Mở rộng tình huống, khai thác các tình huống có liên quan đến chính hoàn cảnh của địa phương, khuyến khích liên hệ đến tình hình cụ thể của chính cuộc sống thật của HS.

Tạo tình huống nhận thức hoặc tình huống thực tiễn nhằm kích thích HS giải quyết các vấn đề. Trong đời sống hằng ngày có rất nhiều tình huống bất ngờ xảy ra, buộc chúng ta phải có kĩ năng xử lí một cách nhanh chóng, khéo léo và linh hoạt. Vì vậy, khi tổ chức hoạt động thảo luận trong dạy học nói và nghe, GV cần tạo ra nhiều tình huống có tính vấn đề, thiết thực để kích thích HS tích cực tham gia giải quyết vấn đề.

Ở đây, GV có thể tổ chức các hoạt động, trò chơi để HS có thể giải quyết các tình huống có vấn đề, rèn luyện kĩ năng phản biện, giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Có thể tổ chức một số hoạt động như sau:

Trò chơi này dùng giấy màu ghi lại thật nhanh các ý tưởng. Đúng như tên gọi, GV yêu cầu HS suy nghĩ về các khả năng để giải quyết một tình huống trong tác phẩm vào các thẻ màu khác nhau (mỗi nhóm được quy định một màu riêng), sau đó, HS sẽ lập luận để bảo vệ ý kiến của mình hoặc phản biện lại các khả năng, quan điểm, ý kiến khác. Trò chơi này sẽ giúp các em hiểu được sự lựa chọn của nhân vật và chính là sự lựa chọn của tác giả khi xây dựng cốt truyện. Có thể nói, trò chơi phép thử khả

năng thích hợp với các tiết đọc hiểu văn bản văn xuôi như truyện ngắn, tiểu thuyết hay kịch.

Có thể áp dụng trò chơi này trong dạy bài “Chí Phèo” của Nam Cao, “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu, “Vợ nhặt” của Kim Lân... Cụ thể, khi tìm hiểu về cách kết thúc truyện “Chí Phèo”, thay vì thuyết giảng có phần áp đặt hay hỏi đáp thiếu hấp dẫn, GV có thể tổ chức cho các em thử các khả năng có thể để từ đó HS nhận ra cái chết của Chí Phèo là tất yếu do quy định của phương pháp sáng tác chủ nghĩa hiện thực và tư tưởng chủ đề tác phẩm. Đầu tiên, GV yêu cầu HS nghĩ tới tất cả các khả năng có thể để giúp Chí Phèo không chết, sau đó ghi lên giấy màu, dán lên bảng. Khi đó, HS có thể đưa ra các khả năng sau: Chí Phèo đâm Bá Kiến rồi bỏ làng đi, làm giàu ở xứ khác. Chí Phèo đâm Bá Kiến rồi bị bắt, xét xử, được minh oan, trở về hoàn lương sống với. Thị Nở - Chí Phèo lại đi tù, tiếp tục kiếp sống quỷ dữ. Chí Phèo đi theo cách mạng, về giải phóng làng Vũ Đại. - Chí Phèo lại đâm Thị Nở và bà cô Thị Nở... Chí Phèo dắt Thị Nở bỏ trốn khỏi làng Vũ Đại, sống hạnh phúc. Tiếp đến, những khả năng nào không phù hợp với quy luật khách quan của hiện thực thì GV đề nghị HS gỡ bỏ. Trong quá trình loại trừ này, GV khuyến khích HS tranh luận về từng thẻ màu để làm rõ các ý kiến. Cuối cùng, thường thì tất cả các thẻ màu đều bị gỡ bỏ, chỉ còn lại chính sự lựa chọn của Chí Phèo trong tác phẩm. Từ đó, HS có thể đi đến kết luận cái chết của Chí Phèo là sự lựa chọn duy nhất, tất yếu và dúng cảm để đổi lấy bản chất lương thiện của mình. Cái chết của Chí Phèo là cái chết của một con người đã thức tỉnh, hồi sinh bản tính lương thiện, nó có sức tố cáo mạnh mẽ xã hội cũ không thể cho người dân lương thiện được sống yên ổn. Chí Phèo chết mới có thể chấm dứt cuộc đời nhục nhã ở kiếp này để hi vọng vào cuộc đời mới, tốt lành hơn ở kiếp sau. Chí Phèo chết trong sự nhận thức rõ về mình. Chí không muốn tiếp tục cuộc sống của một con quỷ dữ. Chí muốn trở thành một con người nhưng không thể. Chí chỉ còn cách hủy diệt chính mình. Giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo ở chỗ đó. Đó cũng chính là điều tác giả muốn nói cùng độc giả. Kết thúc trò chơi, GV cần đưa ra những nhận xét, phân tích ý nghĩa trò chơi, động viên, khích lệ HS và khen thưởng kịp thời. Điều đó sẽ làm tăng hiệu quả và hứng thú của HS trong giờ học. Phương pháp dạy học sử dụng hình thức tổ chức trò chơi đang được xem là có nhiều ưu điểm trong việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và nâng cao năng lực tư duy, phản biện của HS. Vì vậy, phương pháp này ngày càng được sử dụng rộng rãi trong dạy học.

3. Kết luận

Phát triển năng lực nói cho HS trong giờ học Ngữ văn là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi

mới giáo dục hiện nay. Thông qua các hoạt động nói đa dạng, phong phú và gắn với nội dung bài học, HS không chỉ được rèn luyện khả năng diễn đạt, trình bày ý kiến một cách mạch lạc, tự tin mà còn hình thành tư duy phản biện, năng lực giao tiếp và khả năng hợp tác. Việc tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực nói góp phần làm cho giờ học Ngữ văn trở nên sinh động, phát huy tính tích cực, chủ động của HS, đồng thời giúp các em cảm thụ sâu sắc hơn giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học. Vì vậy, GV cần linh hoạt đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, tạo môi trường học tập thân thiện, khuyến khích HS mạnh dạn bày tỏ suy nghĩ, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn Ngữ văn trong nhà trường ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông - Môn Ngữ văn*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
- [2]. Nguyễn Lê Nguyệt Minh & Lê Phương Thúy (2025). *Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS trong dạy học nói và nghe môn Ngữ văn thông qua hoạt động trao đổi về một vấn đề văn học ở trung học cơ sở*. Tạp chí Giáo dục, (số chuyên đề), 45 - 50.
- [3]. Đỗ Việt Hùng (2020). *Phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS trong dạy học tiếng Việt*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 128, 32 - 38.
- [4]. Trần Đình Sử (2019). *Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực*. Hà Nội: Nxb. Đại học Sư phạm.
- [5]. Nguyễn Thị Hạnh (2021). *Phát triển kỹ năng nói và nghe cho HS trung học phổ thông trong giờ đọc văn*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức, 50, 67 - 74.
- [6]. Phương Ngọc Thanh Huyền (2025). *Một số biện pháp phát triển năng lực nói và nghe cho HS trong dạy học Ngữ văn lớp 7*. Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Lạng Sơn.
- [7]. Phan Trọng Luận (Chủ biên) (2018). *Phương pháp dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
- [8]. Nguyễn Quang Uân (2001). *Tâm lý học đại cương*. Nxb. Đại học Sư phạm.
- [9]. Erik Palmer (2015). *Teaching the core skills of listening and speaking*. Ebook Collection publishing, Texas Technology University.
- [10]. Harmer, J. (2007). *How to Teach English*. London: Longman.
- [11]. Richards, J. C. (2008). *Teaching Listening and Speaking: From Theory to Practice*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [12]. Nation, I. S. P., & Newton, J. (2009). *Teaching ESL/EFL Listening and Speaking*. New York: Routledge.

Developing speaking skills in Literature class for students of direct admission for supplementary knowledge courses

Nguyen Thanh Nha Truc - Nguyen Hoang Long - Tran Hoang Que Anh
Can Tho University
Email: nhatruc@ctu.edu.vn.

Abstract: To ensure the listener understands, the speaker must speak well, meaning they must speak clearly and logically, adhere to conversational rules, and pay attention to gestures, facial expressions, and volume. Therefore, training and developing students' speaking skills is very important in the process of teaching and learning literature, and is a measure that contributes to improving the quality and effectiveness of Literature lessons. Having good speaking skills will help the learners acquire an effective communication tool in social life.

Keywords: Practicing, development, speaking skills.